

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

#### HSX:

#### Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	390.37	↓ -5.11	-1.29%
KLGD (triệu ck)	27.59	↓ -73.70	-72.76%
GTGD (tỷ đồng)	457.26	↓ -1,338.01	-74.53%
Tổng cung (triệu ck)	105.01	↓ -40.39	-27.78%
Tổng cầu (triệu ck)	106.90	↓ -49.46	-31.63%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	2.04	↓ -19.74	-90.65%
KL bán (triệu ck)	5.96	↓ -13.62	-69.55%
Giá trị mua (tỷ đồng)	59.51	↓ -420.52	-87.60%
Giá trị bán (tỷ đồng)	112.14	↓ -266.23	-70.36%

#### Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	405	**
Kháng cự 2	425	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	380	**
Hỗ trợ 2	350	***
Hỗ trợ 3		

- \* Yếu
- \*\* Trung Bình
- \*\*\* Mạnh
- \*\*\*\* Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

#### Nhận định thị trường:



#### Nhận định thị trường:

Tổng Cục Thống kê công bố chỉ số giá tiêu dùng cả nước tháng 9 tăng 2.2% so với tháng 8. So với tháng 9/2011, chỉ số này tăng 6.48% và so với tháng 12/2011 tăng 5.13%. Nguyên nhân khiến CPI tháng 9 tăng mạnh nằm ở 4 nhóm hàng hóa và dịch vụ, bao gồm: y tế, giáo dục, giao thông, và lương thực-thực phẩm. Mức tăng của CPI tháng 9 như vậy là cao hơn nhiều so với các dự báo trước đó và thông tin này đã tác động mạnh tới tâm lý thị trường trong phiên ngày hôm nay. Bên cạnh đó, sau phiên giao dịch mua ròng tới hơn 100 tỷ cuối tuần trước thì phiên hôm nay, NĐT NN đã quay trở lại bán ròng trên HSX tới gần 4 triệu đơn vị ( hơn 50 tỷ đồng) cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới diễn biến VN-index. Như vậy, bên cạnh những giao dịch có liên quan tới việc thay đổi danh mục định kì của các etf thì nhìn chung xu hướng giao dịch của khối ngoại vẫn chưa rõ ràng.

VN-Index tiếp tục dao động trong khoảng 380 – 405 điểm còn HNX-Index dao động quanh 55 điểm với kháng cự gần nhất ở vùng 59 điểm. Biến động trên yếu tố thanh khoản cho thấy sức mua trên thị trường đang yếu, trong ngắn hạn dòng tiền có khả năng cao sẽ tiếp tục duy trì sự thận trọng và rõ ràng chưa có cơ sở nào cho thấy khả năng phục hồi của thị trường trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên tiếp tục duy trì tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục.

**HNX:**

**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	56.46 ↓	-0.25	-0.44%
KLGD (triệu ck)	20.40 ↓	-4.03	-16.50%
GTGD (tỷ đồng)	161.23 ↓	-31.28	-16.25%
Tổng cung (triệu ck)	39.91 ↓	-1.52	-3.68%
Tổng cầu (triệu ck)	29.02 ↓	-13.89	-32.38%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	0.40 ↓	-2.15	-84.29%
KL bán (triệu ck)	0.58 ↓	-0.64	-52.58%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.35 ↓	-20.03	-85.67%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.47 ↓	-5.78	-47.19%

**Các ngưỡng kỹ thuật**

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	vùng 59 điểm	*
Kháng cự 2	62.39	**
Kháng cự 3	vùng 65 điểm	***
Hỗ trợ 1	vùng 55 điểm	****
Hỗ trợ 2	vùng 51 điểm	**
Hỗ trợ 3		

- \* Yếu
- \*\* Trung Bình
- \*\*\* Mạnh
- \*\*\*\* Rất mạnh

**Thanh khoản**

KLGD khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	27,038,806
Bình quân 25 phiên	31,471,748
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	17,843,700
Phiên gần nhất	17,843,700

**Nhận định thị trường:**



Đồ thị HNX-Index.

**Phân tích kỹ thuật:**

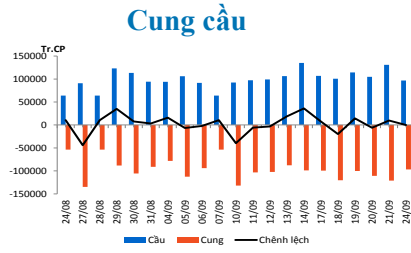
Sự phục hồi trong phiên cuối tuần qua đã cho thấy sức hỗ trợ mạnh tại vùng 55 điểm bắt đầu phát huy tác dụng nhưng dòng tiền tham gia vẫn rất dè dặt. HNX-Index hiện tại mới chỉ đạt tới một trạng thái cân bằng tạm thời khi thị trường thiếu vắng cả bên mua lẫn bên bán, do đó sự tăng giảm những phiên qua chỉ nằm trong trạng thái dao động này và chưa có tín hiệu nào về khả năng phục hồi mạnh. HNX-Index có kháng cự gần nhất tại vùng 59 điểm.

Sự dao động của HNX-Index có thể sẽ cắt qua Parabolic SAR và đường EMA ngắn ngày (7 ngày) nhưng chưa thể hiện sự thay đổi xu thế giảm trước đó và sẽ không mang ý nghĩa tích cực nếu như không có sự hội tụ tăng từ công cụ dòng tiền (MFI). Công cụ RSI hiện dao động bám chặt quanh mức 30 cho thấy sức mạnh tăng giá của thị trường rất yếu mặc dù mức giảm thời gian qua đã đưa HNX-Index về vùng Quá Bán. Thanh khoản khớp lệnh tăng trong các phiên giảm và giảm dần khi thị trường tăng là dấu hiệu cho thấy tính chất xu thế thị trường vẫn là bearish market (áp lực bán thường xuyên lớn hơn sức cầu và dòng tiền tham gia ở mức giá cao rất yếu).

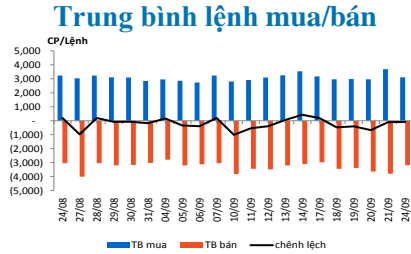
Trước một số thông tin bất lợi trong phiên hôm nay, NĐT nên tiếp tục đứng ngoài thị trường quan sát phản ứng của bên bán trong các phiên sắp tới. Với xu thế giảm hiện hữu chưa có sự thay đổi nào đáng kể, kèm theo việc thị trường đón nhận tin xấu có thể đưa ưu thế nghiêng về bên bán, và rủi ro giảm ngắn hạn vẫn có thể xảy ra ngay cả khi HNX-Index đã ở sát vùng hỗ trợ mạnh quanh 55 điểm.

**HSX:**

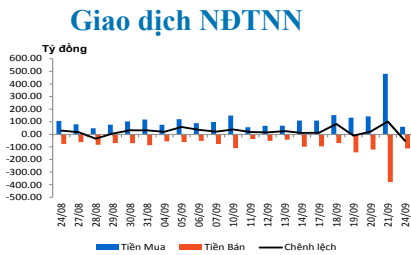
**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**



Thị trường mở cửa phiên giao dịch đầu tuần trở lại với trạng thái ảm đạm và sự sụt giảm nhẹ của các chỉ số, những mã vốn hóa lớn lần lượt giảm độ hoặc chốt ở mức tham chiếu. Đợt khớp lệnh đầu tiên, VN-Index đã giảm 3,32 điểm (-0,83), thanh khoản ảm đạm với hơn 1,3 triệu đơn vị được chuyển nhượng.



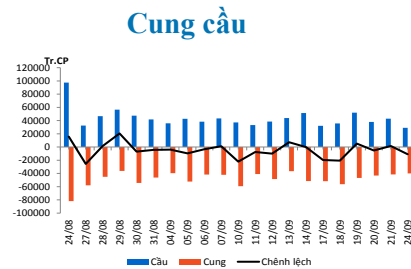
Sau khoảng giảm co khá mạnh trước 10h00 sáng, thị trường chuyển sang trạng thái giao dịch linh xình và dao động trong biên độ hẹp cho đến hết buổi sáng, thể hiện qua khối lượng giao dịch rất thấp. Kết phiên sáng, nhờ EIB, KDC tăng trần, DPM nhích nhẹ 0.27%, MSN nhích hơn 1%, và VNM về mốc tham chiếu nên VN-Index cũng rút ngắn biên độ giảm còn 0.91%, tức giảm 3.58 điểm so với đầu phiên, tạm dừng tại 391.9 điểm. Giao dịch cộng cả thỏa thuận nhưng chỉ được 15.64 triệu đơn vị, trị giá hơn 301 tỷ đồng, chỉ bằng một phần nhỏ so với phiên trước.



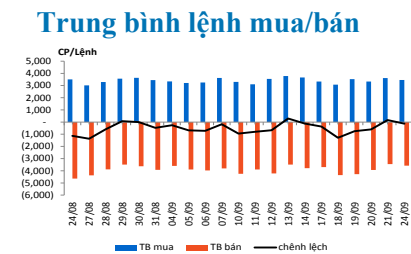
Cuối phiên, Sàn HOSE giao dịch vẫn ảm đạm, VN-Index tiếp tục giảm 5,11 điểm (-1.29%) đứng ở 390.37 điểm, thanh khoản chỉ đạt 27,7 triệu (474.01 tỷ đồng) trong đó chỉ có hơn 23 triệu đơn vị là KLGD khớp lệnh. Đáng chú ý, EIB bật tăng kịch trần với lực mua khá mạnh.

**HNX:**

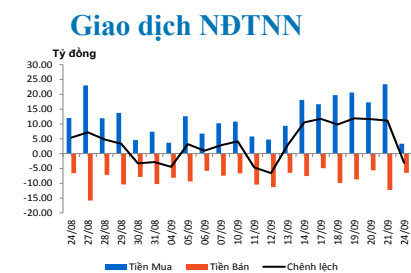
**Diễn biến thị trường Hà Nội:**



Với khoảng 40 mã giảm giá trong 15 phút đầu, đặc biệt là KLS, ACB, VND, PVX, VCG, SHB... khiến HNX-Index giảm 0.46 điểm, tức 0.81% xuống 56.25 điểm. Giao dịch ở mức trung bình, với 1.25 triệu đơn vị, tương ứng 10 tỷ đồng.



Trong suốt cả buổi sáng, HNX cũng giao dịch trong trạng thái ảm đạm do thiếu hụt cả bên mua lẫn bên bán, tuy nhiên phiên hôm nay bên mua tỏ ra rất thận trọng sau khi thị trường đón nhận thông tin CPI không tích cực. Gần cuối buổi sáng, HNX xuất hiện lực cầu ở mốc số mã chủ chốt, đặc biệt là ACB và PVX nhưng nhìn chung vẫn còn rất yếu nên chỉ giúp chỉ số thu hẹp biên độ giảm thay vì đảo chiều tăng trở lại. uy nhiên, với 130 mã giảm giá toàn sàn, chỉ có 32 mã tăng nên HNX-Index cuối buổi sáng vẫn mất 0.27 điểm, tức 0.48% xuống 56.44 điểm.



Phiên giao dịch buổi chiều, ACB tăng mạnh lên sát mức giá trần đã khiến HNX-Index khởi sắc. HNX-Index đảo chiều tăng nhẹ 0.09 điểm (0.16%) lên 56.8 điểm. Sau 45 phút giao dịch, thị trường gia tăng thêm 4 triệu đơn vị giao dịch kéo tổng khối lượng lên 15.15 cổ phiếu tương đương 122.31 tỷ đồng. Tuy nhiên đến cuối phiên áp lực bán lại tiếp tục tăng mạnh, kéo chỉ số HNX-Index kết phiên vẫn giảm 0.25 điểm (-0,44%), thanh khoản chỉ đạt hơn 17.8 triệu đơn vị, tương đương với hơn 132.43 tỷ đồng.

## DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

### Chỉ số Đại diện



### Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	702.01	↓16.92	↓ -2.35
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	651.52	↓17.75	↓ -2.65
PVN ALLSHARE	633.78	↓17.11	↓ -2.63
PVN ALLSHARE HNX	483.27	↓11.55	↓ -2.33
PVN ALLSHARE HSX	692.55	↓19.14	↓ -2.69
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1069.57	↓-2.9	↓ -0.27
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	760.56	↓14.08	↓ -1.82
PVN Tài Chính	469.98	↓16.95	↓ -3.48
PVN Công Nghiệp	307.45	↓-9.98	↓ -3.14
PVN Dầu Khí	627.76	↓18.92	↓ -2.93
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	758.69	↓18.62	↓ -2.4

### Chỉ số Ngành



## Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 6 mã cổ phiếu đứng giá, và 22 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 2,19% và tổng khối lượng giao dịch đạt 5,977 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 24/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	4,200.0	-	0.00	0.37	11.35	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,900.0	39,300	-3.33	0.28	26.36	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,400.0	81,800	-4.00	0.14	0.24	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	16,800.0	268,700	-1.75	1.38	1.12	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,000.0	35,000	-2.78	0.65	4.43	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,600.0	43,800	-5.26	0.36	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	11,400.0	67,100	0.00	0.68	1.70	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,200.0	9,300	0.00	1.61	4.20	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,900.0	110,600	-1.11	0.57	6.40	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,600.0	2,400	-1.89	0.67	7.88	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,800.0	400	0.00	0.36	1.78	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,200.0	281,100	-1.94	1.28	4.06	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4,500.0	2,778,855	-2.17	0.20	1.69	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,800.0	434,220	-3.00	3.13	12.44	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,900.0	408,030	-0.27	2.21	5.96	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	3,510	0.00	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	5,700.0	11,590	-3.39	0.49	4.16	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10,800.0	64,930	-1.82	0.62	2.66	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,900.0	379,650	-2.51	1.90	5.49	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,400.0	199,940	-4.00	0.23	1.86	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,700.0	157,170	-2.88	1.14	6.62	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	8,300.0	354,730	-4.60	0.73	10.51	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,100.0	119,800	-2.38	0.42	37.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	3,900.0	66,600	-2.50	0.37	2.60	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,600.0	35,050	-3.70	0.24	1.35	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,000.0	15,140	-1.10	0.68	2.70	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	3,800.0	8,440	-5.00	0.35	2.50	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
EIB	13,900	14,500	4.32	27,803,838
BVH	34,600	32,900	-4.91	22,818,138
VIC	80,000	79,500	-0.62	76,892,935
SSI	16,800	16,400	-2.38	23,269,220
GAS	40,000	38,800	-3.00	16,887,578

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
ACB	16,400	17,200	4.88	30,085
VND	9,300	9,000	-3.23	17,207
GBS	12,800	12,800	0.00	15,919
KLS	8,400	8,200	-2.38	15,426
PVX	4,600	4,500	-2.17	12,592

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VES	2,000	2,100	100	5.00
IFS	10,100	10,600	500	4.95
AGF	20,300	21,300	1,000	4.93
VFMVFA	4,200	4,400	200	4.76
MPC	35,800	37,500	1,700	4.75

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SNG	12,900	13,800	900	6.98
HAD	24,600	26,300	1,700	6.91
VE1	2,900	3,100	200	6.90
TAG	31,000	33,100	2,100	6.77
TMX	6,000	6,400	400	6.67

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DDM	1,300	1,200	-100	-7.69
THG	8,000	7,600	-400	-5.00
PXT	4,000	3,800	-200	-5.00
PAN	18,000	17,100	-900	-5.00
KAC	12,000	11,400	-600	-5.00

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVC	1,100	1,000	-100	-9.09
THV	1,300	1,200	-100	-7.69
SHN	1,300	1,200	-100	-7.69
SKS	8,600	8,000	-600	-6.98
CTX	8,600	8,000	-600	-6.98

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	12,908	KDC	21,865
KDC	11,070	VIC	16,373
DPM	7,621	PPC	15,849
BVH	4,275	GAS	13,501
PGD	3,886	EIB	11,367

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HDO	475	AAA	1,028
DBC	446	VNR	871
PVX	362	SDT	615
IDJ	350	PGS	585
VNR	336	VND	524

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



**PSI**

*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh Hải Phòng*

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339